

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
Thành phố Hồ Chí Minh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/KDTM-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Lê Thị Mộng Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11/9/2018 và quyết định hoãn phiên tòa 279/2018/QĐST-KDTM ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-kinh tế S

Địa chỉ: đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà V

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Thế Thắng

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-kinh tế S (sau đây gọi là công ty S) có người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Thế T trình bày:

Ngày 24/5/2014, công ty S và Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ (sau đây gọi là công ty Đ) có thỏa thuận với nhau các nội dung trong hợp đồng kinh tế số 35/14/SHL. Theo đó, công ty S bán cho công ty Đ 01(một) máy chiết rót chất sệt 12 vòi tự động với giá 803.401.500 (tám trăm lẻ ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn năm trăm) đồng. Phương thức thanh toán như sau:

- Đợt 1: Đặt cọc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng sau khi ký hợp đồng

- Đợt 2: Thanh toán 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng sau 30 ngày kể từ ngày công ty S giao hàng cho công ty Đ

- Đợt 3: Thanh toán 453.401.500 (bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn năm trăm) đồng sau 05 tháng kể từ ngày công ty S giao hàng cho công ty Đ.

Hợp đồng tuy chưa có sự ký kết giữa 02 bên nhưng đã có sự thực hiện như sau:

- Ngày 06/6/2014, công ty Đ đã thanh toán 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cho công ty S theo giấy báo có của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Tân Phú

- Ngày 09/6/2014 thì công ty S đã giao máy cho công ty Đ, do giám đốc công ty Đ-ông Phan Văn Th ký nhận.

- Ngày 10/10/2014, công ty Đ đã thanh toán 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng cho công ty S theo giấy báo có của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu -chi nhánh Tân Phú.

- Ngày 06/5/2015, công ty Đ đã thanh toán 100.000.000 (một trăm mười triệu) đồng cho công ty S theo giấy báo có của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu-chi nhánh Tân Phú.

Như vậy, công ty Đ chỉ mới thanh toán cho công ty S 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền còn lại 353.401.500 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn năm trăm) đồng, công ty Đ vẫn chưa thanh toán cho công ty S mặc dù công ty S đã nhiều lần gửi giấy đề nghị thanh toán.

Nay, công ty S khởi kiện yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền 353.401.500 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn năm trăm) đồng cùng với tiền lãi theo mức lãi suất 0.8%/tháng từ ngày 06/6/2015 cho đến lúc xét xử. Thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Tại hợp đồng kinh tế giữa Công ty S và Công ty Đ có thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Tòa án.

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty S và Công ty Đ là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là công ty Đ có trụ sở chính tại ấp T, xã B,

huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: công ty S khởi kiện yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền 353.401.500 (ba trăm năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ một ngàn năm trăm) đồng cùng với tiền lãi theo mức lãi suất 0.8%/tháng từ ngày 06/6/2015 cho đến lúc xét xử. Thanh toán 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy hợp đồng kinh tế số 35/14/SHL ngày 24/5/2014 chưa có sự ký kết giữa hai bên. Nhưng thực tế ngày 06/6/2014, công ty Đ đã thanh toán 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng cho công ty S theo giấy báo có của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu-chi nhánh Tân Phú với nội dung “thanh toán theo hợp đồng số 35/14/SHL ngày 24/5/2014”. Như vậy, công ty Đ đã đồng ý với các nội dung trong hợp đồng.

Ngày 09/6/2014 thì công ty S đã giao máy cho công ty Đ, do giám đốc công ty Đ-ông Phan Văn Th ký nhận. Sau đó thì công ty Đ tiếp tục thanh toán tiền cho công ty S.

Như vậy, việc mua bán giữa công ty S và công ty Đ là có thật. Công ty Đ đã nhận tài sản và đã thực tế sử dụng và có thanh toán tiền mua máy cho công ty S. Vì vậy, công ty S yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền còn lại là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi, do công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên công ty Đ phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo qui định tại điều 306 Luật Thương mại. Điều 306 Luật Thương mại quy định lãi suất được xác định theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Tại thời điểm xét xử, mức lãi cho vay của các ngân hàng như sau

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn: lãi suất 9.99%/năm.
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín: lãi suất 13%/năm.
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu: lãi suất 11%/năm

Như vậy, mức trung bình được xác định là: 11.33%/năm.

Công ty S yêu cầu mức lãi suất là 0,8%/tháng tức là 9,6%/năm, không vượt quá mức lãi suất quy định. Như vậy, mức lãi suất do công ty S yêu cầu là có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi được tính: $353.401.500 \text{ đồng} \times 0,8\% = 2.827.212$ (hai triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm mười hai) đồng /tháng.

Tính từ ngày 06/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/10/2018 là 40 tháng 17 ngày, tiền lãi là: $(2.827.212 \times 40) \text{ đồng} + (2.827.212 / 30 \times 17) \text{ đồng} = 113.088.480 \text{ đồng} + 1.602.087 \text{ đồng} = 114.690.567$ (một trăm mười bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn năm trăm sáu mươi bảy) đồng

Như vậy số tiền công ty Đ có trách nhiệm trả là: 353.401.500 đồng đồng (vốn) + 114.690.567 đồng (lãi) = 468.092.067 (bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng

Vì công ty Đ nợ tiền của công ty S đã lâu, nên công ty S yêu cầu công ty Đ thanh toán tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Khoản 4 Điều 91 Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần Công ty Đ đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng phía công ty Đ không đến điều này cho thấy Công ty Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận lời khai của Công ty S về hợp đồng, về việc giao nhận tài sản và việc trả tiền cùng tiền lãi để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên nên chấp nhận yêu cầu của công ty S yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán số tiền là 353.401.500 đồng (vốn) + 114.690.567 đồng (lãi) = 468.092.067 (bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng

Công ty Đ còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ Luật Tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 306 Luật thương mại.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 10 và 27 cùng các danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính - Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-kinh tế S

Xử

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ phải thanh toán số tiền là 353.401.500 đồng (vốn) + 114.690.567 đồng (lãi) = 468.092.067 (bốn trăm

sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi hai ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-kinh tế S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: 22.723.683 (hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi ba) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn hóa chất Đ chịu, thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại-kinh tế S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.933.990 (mười triệu chín trăm ba mươi ba ngàn chín trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0018026 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa